



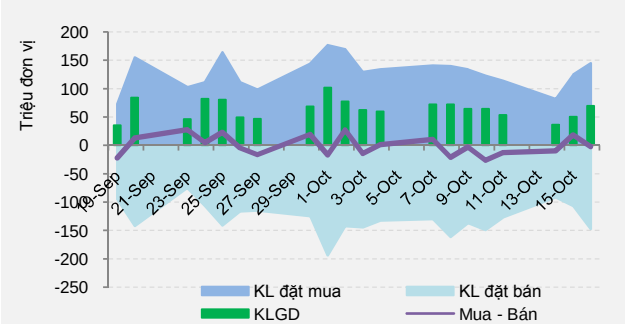
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 16/10/2013

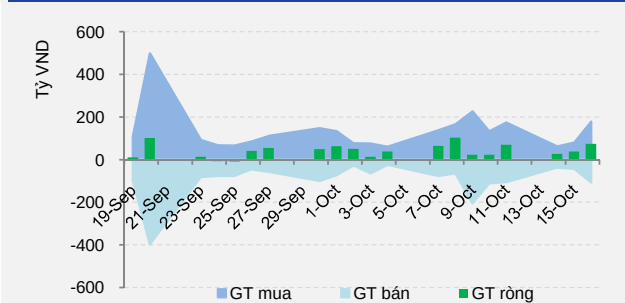
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	499.0	61.1
% Thay đổi	↑ 0.7%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	69,932,650	25,591,800
GTGD (tỷ đồng)	954.31	191.57
Tổng cung (CP)	146,922,240	51,297,300
Tổng cầu (CP)	144,851,060	49,382,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,163,450	666,800
KL mua (CP)	6,093,290	2,080,000
GTmua (tỷ đồng)	179.10	17.06
GT bán (tỷ đồng)	105.11	9.71
GT ròng (tỷ đồng)	73.99	7.35

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.33%	7.5	1.6	2.4%
Công nghiệp	↑ 1.11%	535.8	1.0	19.0%
Dầu khí	↑ 1.05%	7.5	1.6	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.19%	13.3	1.8	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.53%	8.9	2.9	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.05%	12.5	5.0	15.4%
Ngân hàng	↑ 1.88%	7.2	1.3	7.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.02%	9.1	2.0	10.3%
Tài chính	↑ 1.34%	17.5	2.4	32.8%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.10%	9.3	3.4	7.4%
VN - Index	↑ 0.65%	13.1	2.9	83.4%
HNX - Index	↑ 0.59%	33.6	1.5	16.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	700,860	1.0%	781,810	1.1%
GTGD (tỷ VND)	20,024	2.1%	15,949	1.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp, phản ứng với mức hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm. Đà tăng điểm được hỗ trợ bởi lực cầu từ NĐTNN tại một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Dòng tiền của nhà đầu tư trong nước hiện tập trung ở nhóm cổ phiếu tài chính, BĐS và một số cổ phiếu nhỏ có hệ số beta cao. Xét về mặt kỹ thuật, diễn biến thị trường tăng điểm trở lại từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật với KLGD tăng cho tín hiệu tích cực. Thị trường có thể tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật là mốc đỉnh gần nhất, tương đương khoảng 502 điểm.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng ghi nhận phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp sau 5 phiên giảm điểm xuống sát ngưỡng hỗ trợ 60 điểm. Về mặt kỹ thuật, thị trường đang cho thấy sự hồi phục tích cực với khối lượng mở rộng dần và điểm số tăng. Thị trường có thể tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật là mốc đỉnh gần nhất, tương đương khoảng 61.5 điểm.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu. Việc mua đuổi cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, có nền tảng cơ bản không thực sự vững vàng là rủi ro, khi thị trường đã tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật.

- VN-Index tăng 3.24 điểm (0.65%), lên 498.96 điểm. Mức cao nhất của chỉ số Index là 500.6 điểm.

- HNX-Index tăng 0.36 điểm (0.6%), lên 61.12 điểm, gần mức cao nhất của chỉ số này trong phiên.

- Theo kế hoạch, trong quý IV/2013, Kho bạc Nhà nước còn cần huy động 25,200 tỷ đồng qua kênh trái phiếu chính phủ (8200 tỷ đồng kỳ hạn dưới 1 năm, 7000 tỷ đồng kỳ hạn 2 năm, 3000 tỷ đồng cho mỗi kỳ hạn 3 và 5 năm, 4000 tỷ đồng kỳ hạn 10 và 15 năm. Mục tiêu huy động vốn TPCP trong năm 2013 là 170 nghìn tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm, KBNN đã huy động được 144,812 tỷ đồng, bằng 146.5% so với cùng kỳ năm 2012. Thị trường trái phiếu năm 2013 được đánh giá là tích cực khi thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng dồi dào, trong khi tăng trưởng tín dụng còn hạn chế. Theo yếu tố chu kỳ, hoạt động phát hành trái phiếu thường chậm về cuối năm, khi các ngân hàng tập trung tăng trưởng tín dụng cũng như nhu cầu tiền mặt cao hơn về cuối năm và thời điểm Tết. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tại hệ thống Ngân hàng hiện nay, kết hợp với khả năng tạo tiền từ TPCP, kênh trái phiếu dự kiến vẫn có sức hấp dẫn đối với các NHTM.

- Hôm nay, NHNN bán được 14500/15000 lượng vàng đem đấu thầu. Giá trúng thầu trong khoảng 37.15 – 37.18 triệu đồng/lượng, tương đương với giá vàng SJC bán ra. Chênh lệch giá vàng trong nước thế giới tăng lên 5 triệu đồng/lượng khi giá vàng thế giới theo chiều hướng giảm trong khi giá trong nước không có nhiều biến động. Theo thống kê của NHNN khu vực TP. Hồ Chí Minh, các Ngân hàng trong đại bàn đã tất toán xong số dư huy động vàng nhưng đến nay 9 ngân hàng tại TP HCM vẫn chưa tất toán được 157 nghìn lượng vàng đã cho khách hàng vay.

- Hãng đánh giá tín nhiệm Fitch Ratings vừa cảnh báo có thể hạ định hạng tín nhiệm nợ AAA mà tổ chức này dành cho Mỹ trước thực trạng hai Đảng tại Mỹ tiếp tục tranh cãi về vấn đề trần nợ công. Fitch cũng nói rằng, cho dù Quốc hội Mỹ đạt được thỏa thuận nâng trần nợ ngắn hạn để tránh vỡ nợ, thế bế tắc về ngân sách ở nước này thời gian qua đã làm suy yếu niềm tin vào tính hiệu lực của chính phủ cũng như các chính sách kinh tế của nước Mỹ. Tổ chức này cho biết, từ nay tới hết quý 1 năm sau, Mỹ có thể không còn giữ được định hạng tín nhiệm này.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Áp lực cung tăng mạnh khi VN-Index tăng lên trên mốc 500 điểm. Kết thúc phiên, VN-Index tăng 3.24 điểm (0.65%), lên 498.96 điểm.

- KLGD tăng mạnh 40% so với phiên giao dịch trước, đạt 68.9 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 61.3 điểm. Đường MACD đang giảm khoảng cách với đường tín hiệu, tuy nhiên vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ sau 4 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp có hệ số beta cao, cũng như nhóm cổ phiếu dự kiến KQKD Q3 tích cực. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều, áp lực cung giá cao vẫn hiện hữu.

Thị trường bước đầu đã có phản ứng tại ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm, tương đương mức thoái lui 38.2% của dải Fibonacci Retracement. Tuy nhiên với diễn biến giao dịch như hiện tại, chúng tôi cho rằng giai đoạn điều chỉnh tích lũy của thị trường chưa kết thúc. Thị trường chung dự báo dao động hẹp quanh ngưỡng hỗ trợ trong một vài phiên giao dịch tới, với sự luân chuyển của dòng tiền theo nhóm cổ phiếu. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng 0.36 điểm (0.6%), lên 61.12 điểm. Đây cũng là mức cao nhất của chỉ số này trong phiên.

- KLGD tăng 10% so với phiên trước, đạt 23.3 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 55.9 điểm, tâm lý thị trường có cải thiện. Chỉ báo MACD vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ sau 5 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 60 điểm. Phiên tăng điểm nhẹ với thanh khoản tăng cho tín hiệu của lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên diễn biến giao dịch trong phiên cho thấy lực cầu còn thận trọng, khối lượng khớp lệnh khi thị trường tăng không nhiều. Chỉ số HNX-Index cũng đang tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA12 ngày.

Chúng tôi cho rằng giai đoạn điều chỉnh tích lũy của thị trường chưa kết thúc. Thị trường chung dự báo dao động hẹp quanh ngưỡng hỗ trợ trong một vài phiên giao dịch tới, với sự luân chuyển của dòng tiền theo nhóm cổ phiếu. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu.



TOP CỔ PHIẾU CÓ CHỈ SỐ ROE CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.11	3.81	25.37	41.56
2	VNM	1842.78	22.4%	3373.62	21.5%	54.2%	20,423	7,699	18.44	6.95	32.72	40.48
3	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.64	1.26	14.41	38.41
4	VIC	3794.28	597.6%	4058.94	223.1%	54.1%	15,763	4,607	13.89	4.06	7.84	38.34
5	BMC	18.89	-38.5%	42.73	-20.5%	53.4%	17,809	5,906	7.55	2.5	25.83	32.6
6	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.65	1.88	15.92	31.18
7	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.51	2.84	13.94	30.65
8	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	23,827	4,616	3.73	0.72	9.29	29.72
9	BMP	116.06	30.4%	195.86	15.2%	62.2%	30,330	8,438	8.95	2.49	26.16	29.59
10	HSG	185.38	37.7%	413.54	118.7%	103.4%	22,242	6,413	6.11	1.76	10.45	28.92

CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2013 KHẢ QUAN

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KDC	44.19	589.4%	77.86	998.0%	17.3%	27,673	2,752	18.53	1.84	7.57	10.14
2	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.65	1.88	15.92	31.18
3	HPG	511.60	52.8%	968.53	82.7%	80.7%	21,545	3,419	10.59	1.68	7.46	16.46
4	PVD	451.49	58.6%	872.58	31.6%	64.2%	37,118	7,193	9.38	1.82	8.12	21.45
5	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.51	2.84	13.94	30.65
6	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.11	3.81	25.37	41.56
7	REE	528.99	239.4%	639.08	55.3%	98.3%	18,156	3,306	7.68	1.40	14.19	21.49
8	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.64	1.26	14.41	38.41

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q3 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Doanh thu		LNST (tỷ)		Doanh thu (tỷ)		LNST (tỷ)			EPS(VND)	P/E
		Q3/2013	% so Q3.2012	Q3/2013	% so Q3.2012	9T/2013	% so 9T/2012	9T/2013	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013		
1	PXS	303.33	121.49%	33.48	1665.67%	681.8	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1,321	8.3
2	NDN	54.50	144.56%	10.11	567.98%	109.5	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	1,740	4.6
3	SVT	37.15	197.71%	1.48	336.36%	62.0	103.2%	3.47	708.8%	59.0%	325	24.6
4	VND	51.35	102.11%	22.89	228.22%	185.7	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	1,136	7.6
5	WSS	4.92	77.97%	4.83	219.55%	15.2	54.5%	5.1	262.9%	222.7%	135	27.4
6	HBS	4.77	71.62%	0.06	200.00%	16.3	62.6%	0.19	126.7%	126.7%	7	578.7
7	AGR	68.02	30.42%	9.72	170.83%	299.1	42.3%	28.85	48.4%	50.6%	147	30.0
8	BSI	54.21	162.45%	5.16	167.10%	155.2	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	(196)	
9	VGP	167.27	340.88%	5.43	165.05%	409.6	217.3%	16.29	124.2%	98.7%	2,609	6.3
10	NGC	42.48	101.77%	0.27	150.94%	115.8	69.8%	1.32	1650.0%	42.2%	2,013	5.2

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

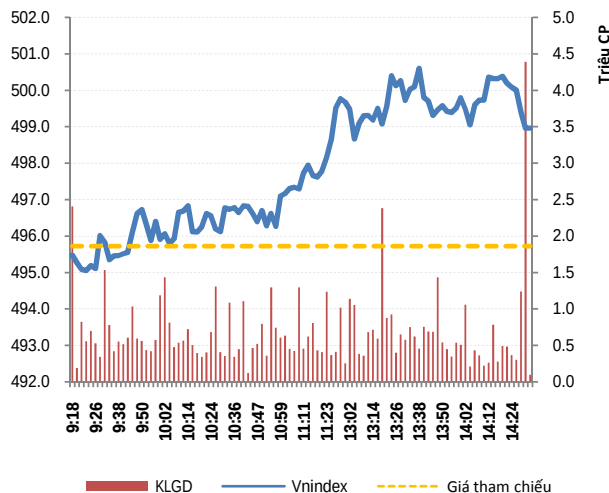
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 16/10/2013.

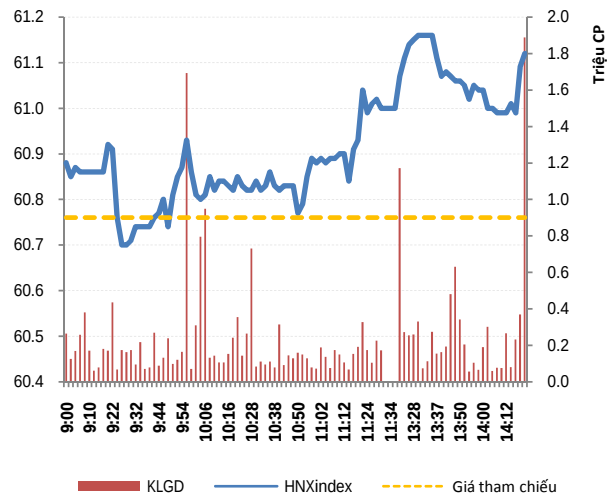
KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên



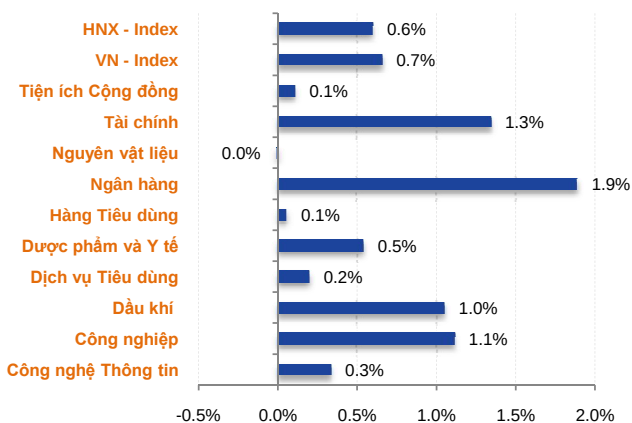
KLGD và VN-Index trong phiên



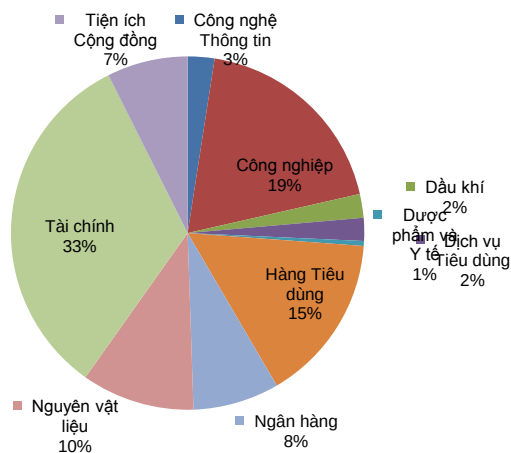
KLGD và HNX-Index trong phiên



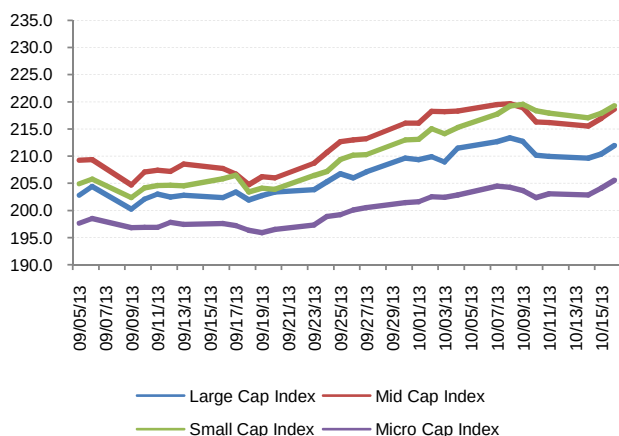
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



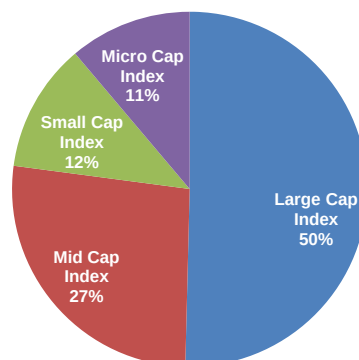
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	960,110	KTB	300,000
2	KBC	937,290	GAS	214,270
3	GMD	473,240	SVC	136,580
4	VCB	370,360	PDR	90,000
5	KMR	260,620	DPM	46,730

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,517,000	PVS	230,700
2	ACB	91,000	DBC	90,500
3	PVX	84,400	VGS	90,000
4	SDH	50,000	PVC	30,000
5	VCG	31,700	SDT	11,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.8	5.9	↑ 1.72%	5,417,580
PVT	9.2	9.6	↑ 4.35%	3,894,300
HAG	21.4	22.2	↑ 3.74%	3,770,180
KMR	4.2	4.0	↓ -4.76%	2,632,850
OGC	9.6	9.9	↑ 3.13%	2,590,360

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.7	6.8	↑ 1.43%	4,254,324
SCR	5.5	5.6	↑ 1.02%	1,610,033
PVL	2.1	2.3	↑ 7.19%	1,468,800
VCG	8.5	8.6	↑ 0.67%	1,331,105
KLS	8.1	8.2	↑ 0.85%	1,209,510

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJD	20.1	21.5	1.4	↑ 6.97%
SRF	23.0	24.6	1.6	↑ 6.96%
HAS	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
BBC	34.1	36.4	2.3	↑ 6.74%
BGM	3.0	3.2	0.2	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ADC	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
LO5	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
MIM	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VTC	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
DHC	7.6	7.1	-0.5	↓ -6.58%
HLG	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%
RIC	6.4	6.0	-0.4	↓ -6.25%
SVT	8.0	7.5	-0.5	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCV	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
AMC	23.7	21.4	-2.3	↓ -9.70%
PPG	2.1	1.9	-0.2	↓ -9.52%
SPP	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%
PSC	9.5	8.6	-0.9	↓ -9.47%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	5,417,580	0.3%	31	192.8	0.5
PVT	3,894,300	5.6%	630	15.2	0.8
HAG	3,770,180	5.0%	938	23.7	1.3
KMR	2,632,850	1.0%	115	34.9	0.3
OGC	2,590,360	-0.4%	(39)	-	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	4,254,324	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	1,610,033	-3.1%	(450)	-	0.4
PVL	1,468,800	-4.9%	(526)	-	0.2
VCG	1,331,105	1.3%	150	56.6	0.7
KLS	1,209,510	1.9%	266	30.9	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJD	↑ 7.0%	24.9%	4,488	4.8	1.2
SRF	↑ 7.0%	13.3%	2,710	9.1	0.6
HAS	↑ 6.8%	1.3%	250	18.8	0.2
BBC	↑ 6.7%	6.4%	2,353	15.5	1.0
BGM	↑ 6.7%	-0.5%	(55)	-	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ADC	↑ 10.0%	25.9%	3,321	3.3	0.8
LO5	↑ 10.0%	2.4%	346	9.5	0.2
MIM	↑ 10.0%	-5.2%	(594)	-	0.3
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	5.1	0.6
VTC	↑ 10.0%	-4.5%	(463)	-	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	960,110	19.2%	2,595	6.8	1.2
KBC	937,290	-10.2%	(1,412)	-	0.7
GMD	473,240	4.7%	1,866	15.2	0.7
VCB	370,360	9.9%	1,785	16.7	1.7
KMR	260,620	1.0%	115	34.9	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,517,000	-2.9%	(335)	-	0.6
ACB	91,000	0.3%	41	388.1	1.2
PVX	84,400	-67.8%	(4,616)	-	0.5
SDH	50,000	-16.1%	(1,276)	-	0.5
VCG	31,700	1.3%	150	56.6	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	41.6%	6,429	10.1	3.8
VNM	118,353	40.5%	7,699	18.4	7.0
VCB	69,059	9.9%	1,785	16.7	1.7
CTG	65,532	19.2%	2,595	6.8	1.2
VIC	58,613	38.3%	4,978	13.0	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,560	0.3%	41	388.1	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,147	16.4%	2,738	5.8	1.0
SHB	6,025	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	590	40.7	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.70	9.9%	1,250	7.0	0.7
PPC	2.45	38.4%	5,411	3.7	1.3
TS4	2.39	7.9%	1,504	5.3	0.4
KBC	2.32	-10.2%	(1,412)	-	0.7
STT	2.29	-17.6%	(1,718)	-	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.36	1.3%	150	56.6	0.7
TTZ	3.01	1.3%	135	22.2	0.3
PVA	2.89	-108.8%	(6,781)	-	0.7
HHG	2.84	-4.5%	(447)	-	0.3
SCR	2.73	-3.1%	(450)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)